



CÔNG TY HOA TIÊU TÂN CẢNG

KẾ HOẠCH DẪN TÀU 30/12/2025 (Thứ Ba)

LỊCH THỦY TRIỀU

Mực nước	Vũng Tàu	Cát Lái	Dòng chảy
3.6	20:31	00:00	↙
1.6	03:36	07:15	↗
3.1	10:28	13:15	↙
2.6	14:53	18:45	↗
3.7	21:11	00:30	↙
1.1	04:40	08:15	↗

STT	Hoa tiêu	Tàu đến	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	Thịnh	KMTC GWANGYANG	9.8	173	17,933	P/s3 - CL1	03:30	// 0630	A2-A5
2	Quang	EVER COMMAND	8.6	172	18,658	P/s3 - CL4	08:30		A2-01
3	N.Minh	POS LAEMCHABANG	9.7	172	17,846	P/s3 - BNPH	08:30	//1100	A1-A5
4	Đ.Toàn	TIDE CAPTAIN	5.8	162	13,406	H25 - TCHP	10:30	SR, HTTS Dừng	A3-12
5	Uy	POS HOCHIMINH	8.2	173	18,085	P/s3 - CL4-5	13:30	//1400	A6-01
6	M.Hải - Tín	NYK ISABEL	10	210	27,003	P/s3 - CL5	20:00	Cano DL	A6-A9
7	Đức - Anh	INTERASIA MOMENTUM	10.2	200	27,104	P/s3 - CL4	17:00	Cano DL	A6-A9
8	N.Chiến	DONGJIN CONFIDENT	9.2	172	18,340	P/s3 - CL1	17:30	//1900	A2-A3
9	Quyết - N.Trường	INCRES	9.5	172	19,035	P/s3 - CL3	18:00	//2030	A1-A3
10	Đào - Diệu	CEBU	9.8	172	18,491	P/s3 - BNPH	21:30	//0000	
11	V.Hải - V.Dũng	MILD CONCERTO	8.3	148	9,929	H25 - TCHP	21:00	SR	
12	Khái	SAWASDEE INCHEON	9.5	172	18,051	P/s3 - CL7	03:30	// 06.30	A1-A2

STT	Hoa tiêu	Tàu Cái Mép	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	N.Thanh - N.Hoàng	COSCO TAICANG	10.4	349	115,933	P/s3 - CM4	02:00	Y/c MP-VTX	A10-STAR3- STG2
2	N.Cường - P.Thùy	ONE OWL	10.2	365	146,412	CM3 - P/s3	04:30	MP-VTX	MR-KS- AWA
3	Hồng - P.Tuấn	SEASPAN ADONIS	11.6	333	106,154	P/s3 - CM3	08:00	Y/c MT-VTX	MR-KS
4	Đ.Chiến - N.Dũng	TUBUL	13	300	88,586	CM2 - P/s3	18:30	MP	MR-KS- AWA
5	Duyệt	BRIGHT TSUBAKI	9.2	185	29,622	P/s3 - CM1	21:00	Y/c MP	MR-KS
6	V.Tùng	MARINA ONE	10.3	222	28,007	P/s3 - CM4	21:00	Y/c MP-VTX	A10-STG2
7	P.Hải - H.Trường	COSCO TAICANG	11	349	115,933	CM4 - P/s3	20:30	MP-VTX	A10-STAR3- STG2

STT	Hoa tiêu	Tàu đi	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
-----	----------	--------	-----	-------	-----	---------	-------	---------	---------

1	A.Tuấn - M.Cường	WAN HAI 315	10	213	27,800	CL3 - P/s3	06:00	LT	A1-A5
2	Tân	G.DRAGON	9.5	172	18,680	CL1 - P/s3	06:00	LT	A2-TM
3	M.Tùng	INDURO	9.5	172	19,035	CL4 - P/s3	08:00		A2-A9
4	N.Tuấn	NIMTOFTE MAERSK	8.3	172	26,255	BNPH - P/s3	11:30		A1-A5
5	Vinh - Hoàn	KMTC TOKYO	8.9	173	17,853	TCHP - H25	12:30	SR	A3-12
6	Kiên	INTERASIA PURSUIT	9.9	170	18,826	CL5 - P/s3	23:00		A2-A9
7	Trung - Duy	WAN HAI 325	9.2	204	30,767	CL3 - P/s3	19:00	Cano DL	A6-A9
8	Th.Hùng	KMTC GWANGYANG	8.5	173	17,933	CL1 - P/s3	20:30		A2-A5
9	Q.Hung	EVER COMMAND	7	172	18,658	CL4 - P/s3	20:30		A2-01
10	Đ.Minh	TIDE CAPTAIN	6.7	162	13,406	TCHP - H25	23:30		12-08
11	Tín	LANG MAS III	3	55	499	CL2 - H25	01:00	SR	01
12	V.Tùng	SITC CHANGDE	9.3	172	19,011	CL4-5 - P/s3	00:00	LT	A6-A9
13	Đ.Chiến	EVER ORDER	8.7	195	29,116	CL5 - P/s3	05:00	LT	A6-A9
14	H.Trường	SITC ZHEJIANG	9.3	172	17,117	CL7 - P/s3	05:30	LT	A1-TM
15	M.Hùng	VIET TRUNG 135	3	96	2,917	CAN GIO - H25	23:00	ĐX	
16	K.Toàn	KMTC XIAMEN	10.4	197	27,997	BP6 - P/s3	19:30	Cano DL, ĐX	
STT	Hoa tiêu	Tàu dờ	M.n	C.dài	GRT	Cầu bến	P.O.B	Ghi chú	Tàu lai
1	T.Tùng - Chính	WAN HAI 325	10.4	204	30,767	BP7 - CL3	06:30		A6-A9
2	Thịnh	KMTC XIAMEN	10.4	197	27,997	CL4-5 - BP6	17:00	Cano DL	A6-A9
3	P.Cần	INTERASIA PURSUIT	9.9	170	18,826	BP5 - CL5	05:30	ĐX	